TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2024/HS- PT
Ngày: 19/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Trần Xuân Thảo.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 275A/2024/TLPT- HS ngày 02 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Nguyễn Như P phạm tội Làm giả tài liệu của tổ chức"; "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"; "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS- ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Đặng Nguyễn Như P; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 31/7/1992; Nơi thường trú: Tổ F, ấp C, xã X, C, Đồng Nai; Nơi tạm trú và nơi ở: Số A hẻm A N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Đặng Kim T và bà Nguyễn Thị P1; Chồng: Không; Con gái: Đặng Thanh L, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 16/8/2022; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam B14 Bộ C2; Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo (Do Gia đình mời):** Luật sư Nguyễn Văn L1 - Văn phòng L5 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: A nhà C đường N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Có mặt. ĐT: 0914.669.409.

** Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị là: Phạm Duy T1, Trần Ngọc Q, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Thị H và bị cáo có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo là Trần Thị N, Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước năm 2019, Đặng Nguyễn Như P hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Từ cuối năm 2019, do dịch bệnh Covid 19 bùng phát không hoạt động được trong lĩnh vực du lịch nên P đã tìm hiểu đổi sang cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ xin cấp thị thực cho người nước ngoài. Quá trình thực hiện, P thấy nhiều người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam nhưng không có Công ty bảo lãnh, không làm được Giấy phép lao động, thị thực, do đó P quyết định thành lập 09 Công ty để bảo lãnh xin cấp thị thực (gồm: thị thực nhập cảnh, cấp mới, gia hạn tạm trú) cho người nước ngoài, cụ thể:

Đầu năm 2020, Đặng Nguyễn Như P nhờ Trần Thị N (quen biết qua mạng) tìm, thuê dịch vụ làm thủ tục xin đăng ký thành lập Công ty TNHH G1 do P làm Tổng Giám đốc. P cung cấp ảnh chụp Hộ chiếu; ký tên vào các văn bản có trong hồ sơ đăng ký thành lập công ty do N đưa cho, với chi phí 2.000.000 đồng để làm thủ tục đăng ký thành lập công ty. Sau khi làm thủ tục đăng ký được công ty, N chuyển lại cho P con dấu công ty và "GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP" do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội cấp ngày 01/6/2020.

Sau đó, thông qua mối quan hệ xã hội Đặng Nguyễn Như P đã mượn chứng minh thư nhân dân của [(1)]Võ Mộng Thu T2 (sinh năm 1990, thường trú tại: số C B, Phường H, Quận H, Tp .); [(2)]Nguyễn Giang H1 (sinh năm 2001, trú tại: A Tổ A, phường P, quận Đ, TP .); [(3)]Nguyễn Thị Huyền T3 (sinh năm 1987, trú tại: C L, phường H, quận Đ, Tp .); sử dụng thông tin chứng minh thư nhân dân có sẵn của [(4)]Nguyễn Ngọc T4 (sinh năm 1986, trú tại: 1 D, Phường A, Quận H, Tp .; [(5)]Đào Thu T5 (sinh năm 1999; trú tại Tổ A, thôn H, Thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang); [(6)]Nguyễn Thị P2 (sinh năm 1999, trú tại: xã Q, Q, Thái Bình) và thuê Nguyễn Tuấn A (sinh năm 1991; trú tại: xã N, Đ, Tp .) chuyên cung cấp dịch vụ hỗ trợ đăng ký thành lập công ty. Theo yêu cầu của Nguyễn Tuấn A, P2 đã chuyển ảnh, chứng minh nhân dân, chữ ký mẫu của P2 và 06 người trên, thông tin công ty cần thành lập qua zalo cho Tuấn A, với chi phí 3.000.000 đồng/công ty. Sau khi làm thủ tục đăng ký thành lập được 08 công ty, Nguyễn Tuấn A đã chuyển cho P2 "GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP" và con dấu công ty, chữ ký số.

Như vậy, từ đầu năm 2020 đến tháng 02/2021, Đặng Nguyễn Như P đã đăng ký thành lập, quản lý 09 Công ty. Từ khi đăng ký thành lập đến khi bị phát hiện, 09 công ty trên không tuyển nhân viên, không hoạt động kinh doanh, không nộp thuế, không hoạt động tại nơi đăng ký trụ sở theo Giấy Đăng ký doanh nghiệp đã cấp. Với động cơ vụ lợi Đặng Nguyễn Như P đã sử dụng 09 công ty trên. Ngoài ra, P còn sử dụng con dấu của Công ty S, Công ty M1 để ký

tên, đóng dấu công ty, đóng dấu chức danh và họ tên tại các văn bản bảo lãnh để xác nhận khống các lao động nước ngoài làm việc tại các công ty trên, nhằm hợp thức hồ sơ bảo lãnh xin cấp thị thực nhập cảnh cho 17 người Trung Quốc theo thỏa thuận với Phạm Duy T1; bảo lãnh xin cấp Giấy phép lao động, cấp mới hoặc gia hạn tạm trú cho 15 người nước ngoài khác theo thỏa thuận với Trần Ngọc Q, Trần Thị N và đối tượng chưa rõ lai lịch sử dụng tài khoản Zalo "Hạnh Mai", cụ thể như sau:

[BL: 540 - 541, 574 - 575, 696 - 698, 6342 - 6345, 6357 - 6358, 10923 - 10924]

**** Hành vi tổ chức cho 17 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép của Đặng Nguyễn Như P và Phạm Duy T1:***

Khoảng đầu năm 2021, thông qua "HỘI ACE VISA VIỆT NAM", Đặng Nguyễn Như P cho Phạm Duy T1 biết P có nhiều công ty, có khả năng hợp thức hồ sơ bảo lãnh cho người nước ngoài vào Việt Nam. Cũng trong nhóm này, T1 được Cao Thị Phương T6 (có nick zalo "Thảo kẹo") - Nhân viên Công ty Á1 cho biết Công ty Á1 có khả năng hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn làm hồ sơ nhập cảnh và cung cấp các dịch vụ nhập cảnh trọn gói cho người nước ngoài như: Xin công văn chấp thuận nhập cảnh, bán vé máy bay, phòng khách sạn cách ly y tế, đưa đón sân bay, test covid. Sau khi tìm hiểu, Phạm Duy T1 đã coppy bài viết "HỘI ACE VISA VIỆT NAM" và đăng bài viết quảng cáo dịch vụ visa, nhập cảnh và thông tin số điện thoại 0979.686.234 Mr Trọng qua zalo, wechat, facebook dưới tên hiển thị là Visa D để tìm kiếm khách có nhu cầu nhập cảnh. Thông qua cách này, T1 đã tìm kiếm, nhận tiền, hộ chiếu, ảnh để làm thủ tục xin cấp thị thực nhập cảnh cho 17 người Trung Quốc, trong đó có: 12 người Trung Quốc thông qua Nguyễn Thị C (trú tại xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn) giới thiệu; 05 người Trung Quốc còn lại là khách đơn lẻ nhờ đối tượng trung gian (không xác định được nhân thân lai lịch) tìm kiếm, giới thiệu. T1 biết rõ 17 người Trung Quốc này không phải là chuyên gia, nhưng muốn nhập cảnh vào Việt Nam thì phải có công ty bảo lãnh. Qua ứng dụng chat Z, Phạm Duy T1 trao đổi với Đặng Nguyễn Như P sử dụng các công ty do P quản lý để bảo lãnh xin cấp thị thực nhập cảnh dưới diện chuyên gia đối với 17 người Trung Quốc với chi phí 350 USD đến 450 USD/người, P đồng ý. Sau đó, P gửi thông tin về công ty bảo lãnh qua zalo cho T1; T1 nhận hộ chiếu, ảnh của người nước ngoài và thông tin công ty bảo lãnh gửi cho Cao Thị Phương T6 để Công ty Á1 làm thủ tục xin Văn phòng C3 chấp thuận cho nhập cảnh; đồng thời Thảo soạn văn bản bảo lãnh (theo mẫu NA2); Bản sao chứng thực Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty bảo lãnh; Văn bản giới thiệu chữ ký của lãnh đạo Công ty và mẫu dấu của Công ty bảo lãnh (theo mẫu NA16), sau đó T6 chuyển lại cho T1 qua zalo, Trọng chuyển lại cho P qua zalo, P in ra, sử dụng pháp nhân các công ty do P quản lý ký, đóng dấu xác nhận bảo lãnh rồi chuyển lại cho T1 qua grap, T1 đưa lại cho T6 để làm thủ tục xin cấp thị thực tại Cục C2 Bộ C2.

Do dịch bệnh Covid 19 nên người nước ngoài muốn nhập cảnh vào Việt Nam thì phải có chấp thuận của Văn phòng C3. Do vậy, Công ty Á1 đã thông qua 02 Công ty dịch vụ trung gian là Công ty TNHH Đ (trụ sở: phường K, quận T, Tp .) và Công ty TNHH T10 (trụ sở: phường Đ, Tp ., tỉnh Bắc Ninh) gửi 17 người Trung Quốc nêu trên vào danh sách lao động nước ngoài mà 03 Công ty TNHH T11 (trụ sở: xã M, huyện S, Tp .), Công ty TNHH Đ1 (trụ sở: xã P, huyện T, Tp .), Công ty TNHH B1 (trụ sở: xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh) gửi công văn xin Văn phòng Chính phủ chấp thuận nguyên tắc cho nhập cảnh vào Việt Nam dưới diện chuyên gia, cụ thể:

Ngày 23/01/2021, Công ty B1 có Công văn số 2301- BOYD xin Văn phòng Chính phủ chấp thuận nguyên tắc cho 210 người nhập cảnh vào Việt Nam trong đó có 06 người của Phạm Duy T1. Ngày 26/01/2021, Công ty Đ1 có Công văn số 2601- GS xin Văn phòng Chính phủ chấp thuận nguyên tắc cho 150 người nhập cảnh vào Việt Nam trong đó có 03 người của Phạm Duy T1. Ngày 18/02/2021, Công ty T11 có Công văn số 18/CV-TOV xin Văn phòng Chính phủ chấp thuận nguyên tắc cho 200 người nhập cảnh vào Việt Nam trong đó có 02 người của Phạm Duy T1; Ngày 03/3/2021, Công ty T11 có Công văn số 33/CV-TOV xin Văn phòng Chính phủ chấp thuận nguyên tắc cho 199 người nhập cảnh vào Việt Nam trong đó có 06 người của Phạm Duy T1.

Kết quả, Văn phòng Chính phủ ra 03 văn bản (số 919/VPCP-QHQT ngày 04/02/2021, số 1279/VPCP-QHQT ngày 27/02/2021 và số 1572/VPCP-QHQT ngày 11/3/2021) chấp thuận nguyên tắc cho 04 đoàn được nhập cảnh vào Việt Nam, trong đó có 17 người Trung Quốc nêu trên, qua ứng dụng Zalo, Phạm Duy T1 gửi file văn bản bảo lãnh cho Đặng Nguyễn Như P để in ra, ký tên, đóng dấu, chuyển lại cho T1.

Sau khi Cục C2 cấp thị thực nhập cảnh, Cao Thị Phương T6 thông báo để Phạm Duy T1 trả tiền cho Công ty Á1 thanh toán các dịch vụ vé máy bay, phí ăn ở tại khu cách ly, phí đưa đón khách từ sân bay về khu cách ly, đồng thời thông báo thông tin liên quan việc nhập cảnh (số hiệu, thời gian chuyến bay nhập cảnh, biển số xe ôtô đưa đón đoàn, vị trí khu cách ly…) để T1 báo cho 17 người Trung Quốc biết.

Trong việc tổ chức cho 17 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép có 16/17 trường hợp đã nhập cảnh vào Việt Nam và 01/17 trường hợp là MIAO FENG không nhập cảnh. Phạm Duy T1 đã thu với tổng số tiền 990.288.000 đồng, trong đó: Nhận 730.288.000 đồng của 12 người Trung Quốc do Nguyễn Thị C chuyển đến số tài khoản 105886268 tại Ngân hàng TMCP V; nhận trực tiếp của 05 khách đơn lẻ số tiền là 260.000.000 đồng. T1 đã chi với tổng số tiền 954.280.000 đồng gồm: Trả tiền mặt 800.000.000 đồng cho Công ty Á1 để mua vé máy bay, phí ăn ở tại khu cách ly, phí đưa đón; chuyển khoản trả cho Đặng Nguyễn Như P 154.280.000 đồng (tài khoản số 16764060001 mở tại Ngân hàng

Thương mại Cổ phần S1). Như vậy, với hành vi tổ chức cho 17 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nêu trên Phạm Duy T1 hưởng lợi số tiền 36.008.000 đồng. Đặng Nguyễn Như P hưởng lợi số tiền 154.280.000 đồng.

[BL: 512, 713 - 714, 797 - 799, 893, 949 - 951, 960 - 963, 968, 974 - 975, 1174 - 1182]

**** Hành vi tổ thức cho 15 người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép của Đặng Nguyễn Như P:***

Căn cứ quy định về xin cấp Giấy phép lao động và thị thực cho người nước ngoài, Công ty bảo lãnh phải có văn bản xin Sở Lao động, Thương binh và Xã hội T12 chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; sau đó, mới làm thủ tục xin cấp Giấy phép lao động tại Sở T12; sau khi có Giấy phép lao động, Công ty B2 làm thủ tục xin Cục C2 Bộ C2 cấp mới, gia hạn tạm trú.

Mặc dù, biết rõ 15 người nước ngoài có nhu cầu ở lại Việt Nam trái phép, không có công ty bảo lãnh, nhưng từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2021, 05 bị can gồm: Nguyễn Thị H, Trần Ngọc Q, Nguyễn Thanh L2, Trần Thị N, Đặng Nguyễn Như P đã tiếp nhận hồ sơ (Hộ chiếu, Giấy khám sức khỏe, ảnh chân dung), tiền của 15 người nước ngoài để hợp thức hóa hồ sơ xin cấp Giấy phép lao động, thẻ tạm trú, gia hạn tạm trú cho 15 người nước ngoài trên được ở lại Việt Nam trái phép.

Đặng Nguyễn Như P: Từ tháng 10/2020 - tháng 5/2021, Đặng Nguyễn Như P đã nhận từ Trần Thị N hồ sơ của 08 người nước ngoài nêu trên, với giá từ 5.000.000 đồng - 15.000.000 đồng/người. Sau đó, P đã sử dụng pháp nhân các công ty do P quản lý để ký tên, đóng dấu, làm giả các thủ tục xin Giấy phép lao động, gồm: Văn bản xin chấp thuận sử dụng vị trí lao động nước ngoài; Văn bản đề nghị cấp Giấy phép lao động, Bản điều động nội bộ/Hợp đồng lao động/Quyết định bổ nhiệm nhà quản lý; Điều lệ Công ty và các thủ tục xin cấp mới, gia hạn Thẻ tạm trú, gồm: Giấy giới thiệu, Công văn đề nghị cấp Giấy phép lao động của công ty bảo lãnh, Văn bản giải trình và cam kết, Văn bản giới thiệu mẫu dấu, chữ ký của Giám đốc và công ty B2. Sau khi hoàn thiện xong hồ sơ, P chuyển lại cho N; N chuyển lại cho Q để xin Giấy phép lao động và thẻ tạm trú, gia hạn tạm trú.

Ngoài ra, từ tháng 9/2020 - tháng 7/2021, Đặng Nguyễn Như P còn trực tiếp nhận hồ sơ và tiền của 07 người nước ngoài khác gồm: [(1)]D3 (Quốc tịch Liberia); [(2)]Kamara Paul (Quốc tịch L); [(3)]Bayusie Lawrence (Quốc tịch L); [(4)]T13 (Quốc tịch C); (5)Soler V (Quốc tịch Tây Ban Nha), [6]ông Jomah Eric (quốc tịch Liberia) và 7ông Ponce Paumba D (quốc tịch: Philippines), trong đó 06 trường hợp liên hệ trực tiếp với Đặng Nguyễn Như P, 01 trường hợp là Toa J Bertrand Cheick I do Đào Thị M, trú tại phường Y, quận T, Tp . giới thiệu, cụ thể:

Đối với 02 trường hợp là ông Jomah E, đây là người quen của P nên P

không thu tiền. P liên hệ với người có tên "Hanh Mai" để xin soạn thảo hồ sơ và xin cấp giấy phép lao động. Trường hợp ông Ponce Paumba Diane A1, do A1 chỉ xin gia hạn tạm trú, không cần phải xin giấy phép lao động nên P thu với giá 350 USD - 400 USD. Sau đó, Đặng Nguyễn Như P nhờ Trần Ngọc Q xin cấp thẻ tạm trú, gia hạn tạm trú cho 02 người trên, với tổng chi phí là 10.100.000 đồng.

Đối với 05 trường hợp còn lại, Đặng Nguyễn Như P thu với giá từ 34.000.000 đồng - 40.000.000 đồng/ người. P ký, đóng dấu xác nhận khống vào các văn bản, tài liệu bảo lãnh để xin cấp Giấy phép lao động cho 05 người nước ngoài trên. Trong 05 người nước ngoài này thì có 03 người nước ngoài gồm: Draper R, Kamara P3, Bayusie L3, Đặng Nguyễn Như P khai thu tiền và hồ sơ từ khách chuyển cho Trần Thị N, với giá 29.000.000 đồng/người làm thủ tục xin cấp Giấy phép lao động, T7 tạm trú cho người nước ngoài. Do Trần Thị N không thừa nhận, kết quả điều tra không có tài liệu, chứng cứ khác, nên không có căn cứ xác định vai trò đồng phạm của Trần Thị N đối với 03 trường hợp này; 02 người nước ngoài Toa Jean Bertrand Cheick I và Soler V, P thu 40 triệu VNĐ/trường hợp từ khách, chi 35 triệu VNĐ/ trường hợp cho đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "Hanh Mai". Kết quả điều tra không xác định nhân thân lai lịch của đối tượng sử dụng tài khoản Zalo "Hanh Mai". Kết quả điều tra đã xác định: Trần Thị Hải Y (nguyên nhân viên Công ty cổ phần Q1) làm dịch vụ hỗ trợ nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép lao động tại Sở T12 là người đã nộp 03 bộ hồ sơ của tài khoản "Hanh Mai" với giá 200.000 đồng/ bộ hồ sơ.

[BL: 540 - 541, 709 - 710, 712, 1280, 1295 - 1297, 1303, 1389 - 1390, 1403, 1421, 1458, 1482, 1527, 1536 - 1537, 1539, 1540 - 1541, 1545 - 1547].

Như vậy, với hành vi tổ chức cho 15 người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép, Đặng Nguyễn Như P đã thu tổng số tiền là 269.500.000 đồng, chi 160.500.000 đồng, hưởng lợi 109.000.000 đồng.

*** Hành vi làm giả tài liệu của tổ chức của Đặng Nguyễn Như P**

Kết quả điều tra đến nay xác định: Đặng Nguyễn Như P đã ký tên, đóng dấu Công ty; đóng dấu chức danh, họ tên tại 56 văn bản bảo lãnh, trong đó:

- Đối với 28 văn bản bảo lãnh khống do Đặng Nguyễn Như P đã sử dụng con dấu, chữ ký thật để ký, đóng dấu cho 15 người nước ngoài gồm: 03 Công ty do P làm Giám đốc (Thanh Lâm Á, N3, Giáo dục T) để ký và đóng dấu vào 27 văn bản bảo lãnh xin cấp Giấy phép lao động, thị thực cho 14 người nước ngoài; P nhờ Nzewunwa P - Giám đốc Công ty S2 ký, xác nhận cho 01 người nước ngoài. Hành vi này, Đặng Nguyễn Như P đã bị khởi tố, điều tra về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh, ở lại Việt Nam trái phép" quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 28 văn bản còn lại, Đặng Nguyễn Như P sử dụng 08 công ty không phải do P đứng tên làm Giám đốc, gồm: Công ty N3, Adrian Jomah, OG

F, G2, A2, GHG H, Gỗ Nông nghiệp, MUB để ký giả, đóng dấu xác nhận khống xin cấp thị thực cho 18 người nước ngoài (trong đó, có 01 văn bản số 03 ngày 12/11/2020 bảo lãnh đề nghị cấp Giấy phép lao động cho Elasswad O Hatem Youssef do bị can Đặng Nguyễn Như P ký giả tên của Nguyễn Thị P2 vì tại thời điểm này Giám đốc Công ty N3 là Nguyễn Thị P2), cụ thể:

06 Văn bản bảo lãnh đề nghị xin cấp thị thực nhập cảnh dưới dạng chuyên gia cho 10 người nước ngoài, gồm: Che Guangfa, Zhong J1, Z, Lu J2, Song B, Z, Cai Z1, Li C1, Yang Y1 và Huang G; 22 Văn bản bảo lãnh xin cấp Giấy phép lao động, cấp thị thực cho 08 người nước ngoài dưới chức danh là người có chức vụ trong công ty, gồm: O1, K, Draper R, K, Sagritalo E1, Lubin S, Espino B và Bayusie L3.

[BL: 540 - 541, 604 - 613, 710 - 711, 712, 1303]

Ngày 13/01/2023, V1 - Bộ C2 ra Kết luận giám định số 8566/KL-KTHS kết luận:

- Chữ ký đề tên Đặng Nguyễn Như P tại các văn bản bảo lãnh của 03 Công ty (gồm: Thanh Lâm Á, N3, Giáo dục T) là do bị can Đặng Nguyễn Như P ký ra;

- Hình con dấu Công ty, con dấu chức danh và họ tên trên mẫu cần giám định và hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TNHH G2" trên các mẫu giám định ký hiệu từ A45 đến A50 so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M17 do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỜI TRANG XUẤT KHẨU GỖ NÔNG NGHIỆP" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A51 đến A55 so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M18 do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 05/6/2023, V1 - Bộ C2 ra Kết luận giám định số 3669/KL-KTHS kết luận:

- Chữ ký trên những văn bản bảo lãnh xin cấp Giấy phép lao động và thị thực cho người nước ngoài của các Công ty liên quan vụ án (N3; O2; G3; GLOLBE; MUB) không phải do những cá nhân đứng tên Giám đốc các Công ty đó (Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thị Huyền T3, Nguyễn Giang H1, Đào Thu T5, Đỗ Thị T8) ký ra;

- Hình con dấu trên văn bản bảo lãnh đề tên Công ty M1 được đóng ra từ con dấu Công ty do Nguyễn Ngọc D1 nộp cho Cục C2 ngày 30/8/2021.

- Hình con dấu "VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯƠNG THỊ NGA" trên các văn bản chứng thực đối với Giấy chứng nhận kinh nghiệm công tác cho chuyên gia nước ngoài không phải do con dấu của Văn phòng C4 đóng ra; Chữ

ký trên các văn bản chứng thực không phải do bà Trương Thị N1 - lãnh đạo Văn phòng C4 ký ra;

- Hình con dấu trên các Giấy khám sức khỏe đề tên "BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRÀNG AN" phát hành là do con dấu của Bệnh viện Đ2 đóng ra. Chữ ký trên các Giấy khám sức khỏe đề tên "BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRÀNG AN" phát hành là do bà Phạm Kim T9 - lãnh đạo Bệnh viện Đ2 ký ra;

- Hình con dấu trên các Giấy khám sức khỏe đề tên "BỆNH VIỆN E" phát hành không phải do con dấu của Bệnh viện E2 đóng ra.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS- ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Đặng Nguyễn Như P phạm tội "Làm giả tài liệu của tổ chức"; "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép", "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép",

- Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Như P 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của tổ chức"; 05 (năm) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" và 05 (năm) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Tổng hợp hình phạt của ba tội, buộc bị cáo Đặng Nguyễn Như P phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ 16/8/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2024, bị cáo Đặng Nguyễn Như P có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Trần Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 05/02/2024 bị cáo N xó Đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo. Quyết định số 18, ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Trần Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải. Bị cáo cho rằng đối với tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép", Bản án sơ thẩm đánh giá bị cáo và bị cáo T1 có vai trò ngang nhau là không phù hợp. Luật sư bào chữa cho bị cáo cung cấp tại phiên tòa Biên lai thu tiền số 0060916, ngày 10/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, thu số tiền 113.480.000đ, do ông Nguyễn Văn L1 nộp thay Đặng Nguyễn Như P tiền thu lời bất chính của bị cáo P còn lại (bản gốc), bản sao Thẻ đảng viên của ông Đặng Kim T (bố bị cáo), Kỷ niệm chương

vì sự nghiệp giáo dục của bà Nguyễn Thị P1 (mẹ bị cáo) và tài liệu thể hiện mẹ bị cáo bị bệnh tim. Bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, bị cáo là mẹ đơn thân có con nhỏ sinh năm 2017, mẹ bị cáo bị bệnh tim hiện đang chăm sóc con cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải; trước khi xét xử bị cáo đã tác động gia đình nộp lại tiền thu lời bất chính 150 triệu đồng; sau khi xét xử nộp nốt số tiền thu lời bất chính còn lại là 113.180.000đ và nộp án phí hình sự sơ thẩm thể hiện thái độ ăn năm của bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung kháng cáo: Về tội danh của bị cáo theo Bản án sơ thẩm là có căn cứ. Về hình phạt, bản án sơ thẩm xét xử có phần nhẹ, nên mặc dù bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cũng không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Nguyễn Như P đảm bảo thời hạn, hình thức, nội dung nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở kết luận: Từ đầu năm 2020 đến tháng 7/2021, do thấy nhiều người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh, ở lại Việt Nam nhưng không có Công ty bảo lãnh, không làm được Giấy phép lao động, thị thực nên Đặng Nguyễn Như P đã thành lập 09 công ty (trong đó có 03 công ty do P đứng tên đại diện theo pháp luật; còn 06 công ty khác do P mượn chứng minh nhân dân của người khác đứng tên) và sử dụng con dấu của 02 công ty MUB, Shane D2 để thực hiện hành vi phạm tội: Ký, đóng dấu xác nhận bảo lãnh khống vào các văn bản, gồm: Văn bản xin

chấp thuận sử dụng vị trí lao động nước ngoài; Văn bản đề nghị cấp Giấy phép lao động, Bản điều động nội bộ/Hợp đồng lao động/Quyết định bổ nhiệm nhà quản lý; Điều lệ Công ty để xin Giấy phép lao động; ký, đóng dấu vào Giấy giới thiệu, Công văn đề nghị cấp Giấy phép lao động của công ty bảo lãnh, Văn bản giải trình và cam kết, Văn bản giới thiệu mẫu dấu, chữ ký của Giám đốc; cùng với Phạm Duy T1 thực hiện hành vi tổ chức cho 17 người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép; cùng với Trần Thị N, Trần Ngọc Q, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Thị H tổ chức cho 15 người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép. Cụ thể:

- Đặng Nguyễn Như P có hành vi sử dụng 09 công ty do P thành lập, quản lý và con dấu của 02 Công ty M1, Shane D2 để ký, đóng dấu vào 56 văn bản, trong đó có 28 văn bản là P sử dụng công ty mang tên người khác để ký giả, đóng dấu xác nhận bảo lãnh khống; cùng với Phạm Duy T1 hợp thức hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh để tổ chức cho 17 người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép, thu lợi 154.280.000 đồng; cùng với Trần Ngọc Q, Trần Thị N và một đối tượng tên tài khoản Z "Hanh Mai" hợp thức hồ sơ xin cấp Giấy phép lao động, cấp Thẻ tạm trú, gia hạn Thẻ tạm trú để tổ chức cho 15 người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép, thu lợi 109.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 263.280.000 đồng.

Bản án sơ thẩm nhận định đây là vụ án đồng phạm. Trong hành vi "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" P và T1 có vai trò ngang nhau. Trong hành vi Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép P có vai trò lớn nhất, sau đó đến Q, N; L2 và H có vai trò thấp nhất là có căn cứ.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực xuất nhập cảnh, cư trú của N4; xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu.

Bị cáo Đặng Nguyễn Như P đã thực hiện các hành vi nêu trên trong khi có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo P về tội "Làm giả tài liệu của tổ chức" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép", "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm đã xem xét nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, đã nộp tiền thu lời bất chính, gia đình có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn theo điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo Đặng Nguyễn Như P cung cấp tình tiết mới là bản sao Thẻ đảng viên của ông Đặng Kim T (bố bị cáo), Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục của bà Nguyễn Thị P1 (mẹ bị cáo) và Biên lai thu tiền số

0060916, ngày 10/4/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, thu 113.480.000đ do Luật sư Nguyễn Văn L4 nộp thay Đặng Nguyễn Như P số tiền thu lời bất chính còn lại và án phí hình sự sơ thẩm, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tài liệu thể hiện mẹ bị cáo bị bệnh tim. Tuy nhiên, xét thấy hình phạt Bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo có phần nhẹ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Việc bị cáo tác động gia đình nộp lại tiền thu lời bất chính là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được Bản án sơ thẩm áp dụng và tiếp tục được áp dụng tại cấp phúc thẩm. Bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Nguyễn Như P; Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

1.1. Tuyên bố bị cáo Đặng Nguyễn Như P phạm tội "Làm giả tài liệu của tổ chức"; "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép", "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép",

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Như P 03 (Ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của tổ chức"; 05 (Năm) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" và 05 (N2) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép".

Tổng hợp hình phạt của ba tội, buộc bị cáo Đặng Nguyễn Như P phải chấp hành hình phạt chung là 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ 16/8/2022.

1.2. Về án phí: Bị cáo Đặng Nguyễn Như P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

1.3. Ghi nhận bị cáo Đặng Nguyễn Như P đã nộp 113.280.000đ (Một trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0060916, ngày 10/4/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, thu 113.480.000đ do Luật sư Nguyền Văn L4 nộp thay.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam B14- Bộ Công an;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HSVA; HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa